

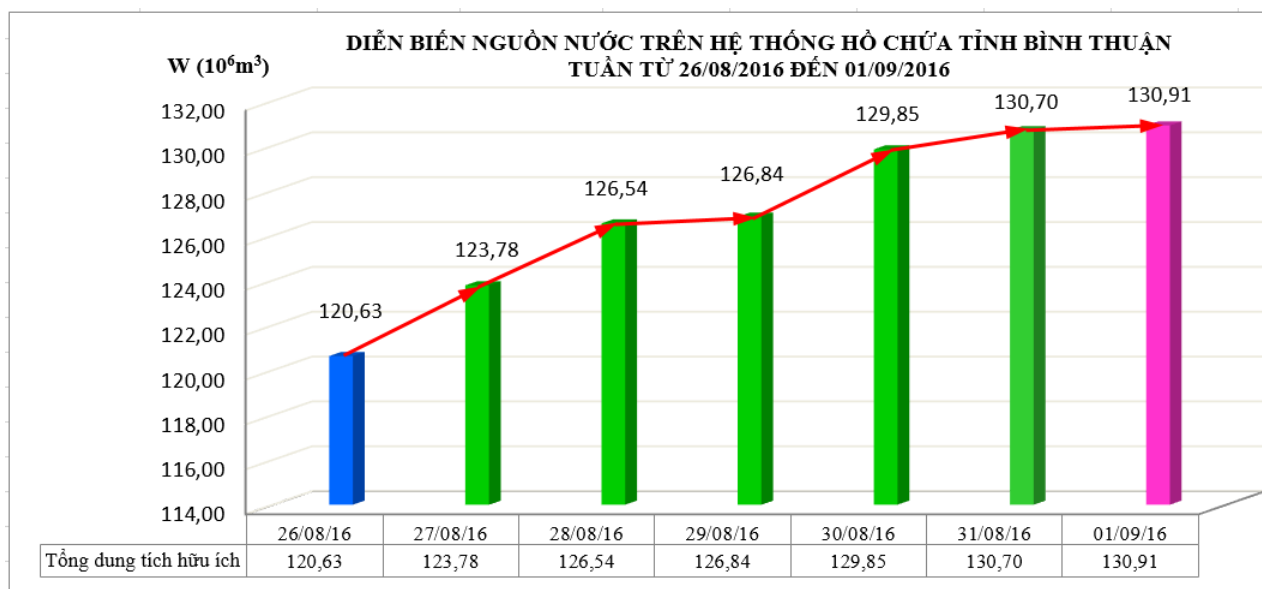
## BẢN TIN

### DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC SÔNG LỮY - LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2016 (Tuần từ 02/09/2016 đến 08/09/2016)

#### 1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

##### 1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 26/08 – 01/09/2016

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi tỉnh Bình Thuận từ ngày 26/08/2016 đến 01/09/2016 được trình bày tại Hình 1, vì tuần qua có lượng mưa dồi dào bổ sung nước cho các hồ nên dung tích các hồ/đập có xu hướng tăng khá so với đầu tuần, lượng tăng bình quân là 1,71 triệu m<sup>3</sup>/ngày, tổng lượng tăng là 10,28 triệu m<sup>3</sup>.



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 26/08-01/09/2016

##### 1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 01/09/2016.

###### 1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi.

Tính đến ngày 01/09/2016 tổng dung tích của 16 hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận là 130,911 triệu m<sup>3</sup>, đạt 60,45 % so với tổng dung tích hữu ích thiết kế. Chỉ có 1 hồ tích nước còn ít (ít hơn 30% dung tích hữu ích thiết kế): hồ Đá Bạc (21,47%).

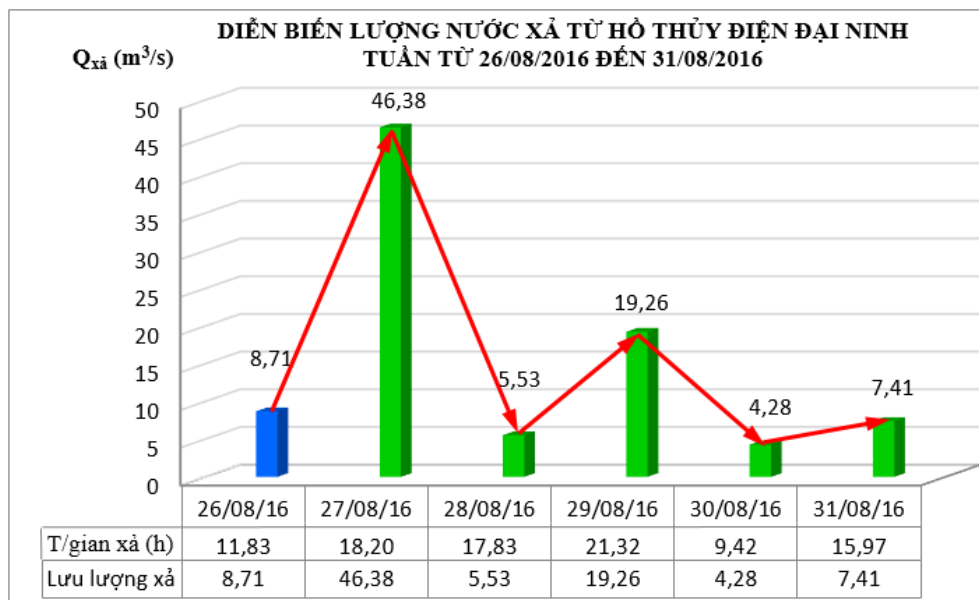
Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 01/09/2016

STT	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )						Tỷ lệ dung tích hữu ích hiện tại so với thiết kế
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	Đá Bạc	1,353	4,87	9,718	0,392	4,478	▲ 0,961	21,47%
2	Lòng Sông	31,916	37,16	40,271	3,464	33,696	▲ 28,452	84,44%
3	Cà Giấy	32,875	36,921	63,209	8,409	28,512	▲ 24,466	85,81%
4	Sông Khán	0,893	2,014	2,52	0,261	1,753	▲ 0,632	36,07%
5	Sông Quao	40,874	73	80	5,7	67,3	▲ 35,174	52,26%
6	Suối Đá	3,856	9,131	12,786	1,273	7,858	▼ 2,583	32,88%
7	Cầm Hang	0,566	1,18	1,215	0,013	1,167	▼ 0,553	47,39%
8	Sông Móng	16,852	37,156	51,515	2,985	34,171	▲ 13,867	40,58%
9	Ba Bàu	3,760	6,938	11,403	0,964	5,974	▼ 2,796	46,80%
10	Đu Đủ	1,470	3,664	5,217	0,297	3,367	▼ 1,173	34,83%
11	Tần Lập	1,102	1,07	1,52	0,07	1	▼ 1,032	103,15%
12	Tà Mon	0,384	0,657	0,72	0,05	0,607	▼ 0,334	55,07%
13	Núi Đất	7,056	8,466	9,648	0,566	7,9	▲ 6,490	82,15%
14	Trà Tân	4,037	3,888	8,333	0,403	3,485	▼ 3,634	104,27%
15	Sông Phan	2,143	3,022	3,579	0,172	2,85	▼ 1,971	69,16%
16	Phan Dũng	8,026	13,674	18,925	1,233	12,441	▼ 6,793	54,60%
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>157,163</b>	<b>242,811</b>	<b>320,579</b>	<b>26,252</b>	<b>216,559</b>	<b>130,911</b>	<b>60,45%</b>

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Thể hiện dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với đầu tuần (ngày 26/08/2016)

### 1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 01/09/2016, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Đại Ninh là 21,38 triệu m<sup>3</sup>/251,7 triệu m<sup>3</sup>, đạt 8,5 % so với dung tích hữu ích thiết kế, tăng 1,9 triệu m<sup>3</sup> so với đầu tuần (ngày 26/08/2016).



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 26/08/2016 đến 31/08/2016

Tính đến ngày 01/09/2016, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Hàm Thuận là 156,97 triệu m<sup>3</sup>/ 522,5 triệu m<sup>3</sup>, đạt 30 % so với dung tích hữu ích thiết kế, tăng 7,3 triệu m<sup>3</sup> so với đầu tuần (ngày 26/08/2016).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 01/09/2016

Stt	Tên Các Hồ Chứa	DUNG TÍCH (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )						Tỷ lệ dung tích tích hiện tại
		Hiện Tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích Thiết kế	Hữu ích Hiện tại	
1	<u>Đại Ninh</u>	89,420	319,770	549,820	68,040	251,730	<b>21,380</b>	<b>8,49%</b>
2	<u>Hàm Thuận</u>	329,705	695,230	976,650	172,730	522,500	<b>156,975</b>	<b>30,04%</b>
<b>Tổng Cộng</b>		<b>419,125</b>	<b>1.015,000</b>	<b>1,526,470</b>	<b>240,770</b>	<b>774,230</b>	<b>178,355</b>	<b>23,04%</b>

## 2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

### 2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (Trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2015.

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân.

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2016. Lịch thời vụ các loại cây trồng.

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi.

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

### 2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là : mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông.
- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

### 2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

Dự báo KTTV tháng 09/2016	Dự báo KTTV tuần 1 tháng 09/2016
<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo lượng mưa tháng 9/2016 đạt xấp xỉ TBNN và có nơi trên TBNN - CTK. Cụ thể các khu vực như sau: Đúc Linh, Tánh Linh và vùng núi Hàm Thuận Bắc (Đông Giang) phổ biến: 350-450mm, với 20-22 ngày mưa. Khu vực trung tâm và ven biển phía nam: 150 -</p>	<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo lượng mưa phổ biến đạt xấp xỉ TBNN, cụ thể: Khu vực phía Bắc tỉnh: 40 - 60mm; với 4 - 6 ngày mưa. Khu vực trung tâm và phía Nam: 50 - 70mm, có nơi 80 – 120mm; với 6 - 8 ngày mưa. Khu vực vùng núi phía Tây và Tây Nam:</p>

250mm, với 15 - 17 ngày mưa. Khu vực phía bắc: 100 - 150mm, với 12 - 14 ngày mưa.

- Tổng lượng bốc hơi: 110 - 130mm.

**b. Thủy văn:**

Mức nước tại trạm Tà Pao và sông Lũy tại trạm Sông Lũy ít thay đổi. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb = 117,20m; Hmax = 119,50m; Hmin = 115,90m.

+ Sông Lũy: Htb = 23,60m; Hmax = 26,00m; Hmin = 23,10m.

80 - 120mm, có nơi 120 - 150mm; với 7 - 9 ngày mưa.

- Tổng lượng bốc hơi: 35 - 45mm.

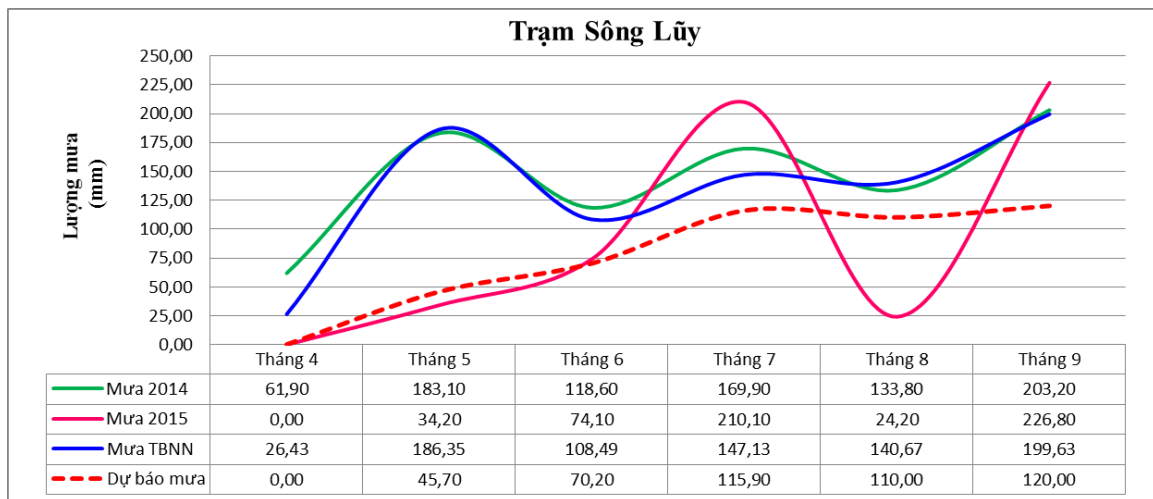
**b. Thủy văn:**

Mức nước tại trạm Tà Pao dao động trong khoảng thấp hơn đến xấp xỉ cấp ĐBI và tại trạm Sông Lũy ít thay đổi đến dao động nhỏ và có khả năng xảy ra lũ nhỏ. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

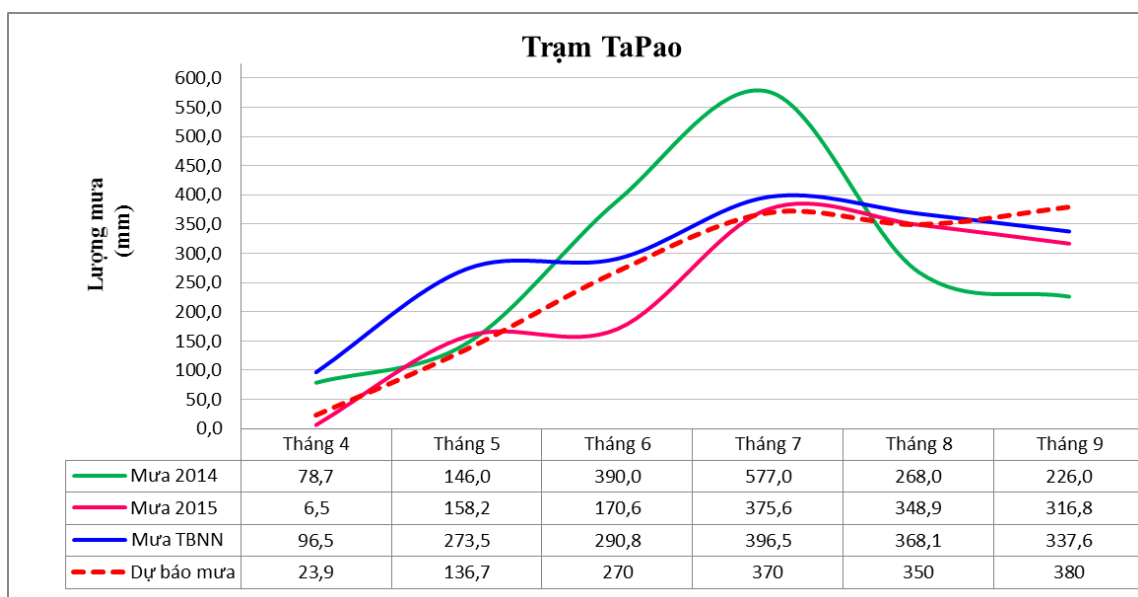
+ Tà Pao: Htb=117,00m; Hmax = 119,00m; Hmin = 116,00m.

+ Sông Lũy: Htb = 23,40m; Hmax = 25,00m; Hmin = 23,10m

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa tháng 9 tại trạm Sông Lũy



Hình 4: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa tháng 9 tại trạm Tà Pao

## 2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Hè Thu năm 2016 tỉnh Bình Thuận.

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Hè Thu (tháng 9) năm 2016 tỉnh Bình Thuận

TT	LV Sông/ Hồ	Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập tháng 9/2016 ( $10^6 \text{ m}^3$ )
1	Hồ Đá Bạc	3,24
2	Hồ Phan Dũng	8,71
3	Hồ Lòng Sông	14,36
4	Đập Sông Lũy	57,2
5	Hồ Cà Giây	14,57
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn,..	88,65
7	Hồ Sông Quao	50,5
8	Hồ Suối Đá	5,29
9	Hồ Sông Khán	3,42
10	Hồ Cà Giang	1,19
11	Hồ Cẩm Hang	2,10
12	Hồ Sông Móng	30,27
13	Đập Ba Bàu	17,88
14	Hồ Đu Đủ	1,84
15	Đập Sông Phan	20,58
16	Hồ Tân Lập	2,41
17	Hồ Tà Mon	4,15
18	Hồ Núi Đất	4,15
19	Hồ Sông Dinh	99,33
20	Đập Cô Kiều	3,32
21	Sông La Ngà (tới đập Tà Pao)	260,39
22	Hồ Trà Tân	7,10
<b>Tổng cộng</b>		<b>700,65</b>

Dự kiến lượng nước xả tháng 9 của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi như sau:

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

Thủy Điện		Tháng 9	Tổng ( $10^6 \text{ m}^3$ )
Đại Ninh	Lưu lượng $Q_{bq}$ ngày ( $\text{m}^3/\text{s}$ )	11	8,6
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	7	
Hàm Thuận-Đa Mi	Lưu lượng $Q_{bq}$ ngày ( $\text{m}^3/\text{s}$ )	36,2	48,5
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	12	

## 3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Hè Thu 2016 (tháng 9) được trình bày tại Bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2016 (tháng

9) là 98,8 triệu m<sup>3</sup>.

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mỗi các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu (tháng 9) năm 2016

Đơn vị: Triệu m<sup>3</sup>

TT	LV Sông/ Hồ	Vụ Hè Thu 2016				
		Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha)				Nhu cầu nước tháng 9/2016 (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )
		Lúa	Màu (Ngô, Đậu, Lạc, Mè)	Cây CN, Nho, Thanh Long	Thủy sản	
<b>Tổng cộng</b>		<b>37503</b>	<b>24573</b>	<b>14761,4</b>	<b>647,5</b>	<b>98,80</b>
1	Hồ Đá Bạc	84		54	-	0,22
2	Hồ Phan Dũng	38		108	-	0,31
3	Hồ Lòng Sông	947		195	79,2	2,39
4	Đập Sông Lũy	7822	9877	294	-	32,36
5	Hồ Cà Giây	1729	2183	396	-	4,48
6	Đập Đồng Mới, Đồng Măng, Tú Sơn...	1259	1590	276	-	6,42
7	Hồ Sông Quao	6551	2918	6622,81	-	22,57
8	Hồ Suối Đá	246	112	470	-	0,65
9	Hồ Sông Khán	77	32	34	-	0,24
10	Hồ Sông Móng			178	-	-
11	Đập Ba Bàu	460		3640	-	0,55
12	Hồ Đu Đủ	61		987,67	-	0,06
13	Đập Sông Phan	1		604,8	-	0,07
14	Hồ Tân Lập			473,76	-	-
15	Hồ Tà Mon			137,4	-	-
16	Hồ Núi Đất	312		226	-	0,61
17	Hồ Sông Dinh	660		64	-	1,74
18	Đập Cô Kiều	40		-	-	0,10
19	Sông La Ngà ( tới Đập Tà Pao)	17115	7861	-	568,3	26,08
20	Hồ Trà Tân	101		-	-	-

#### 4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ HÈ THU 2016.

##### 4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 02/9/2016 đến 08/9/2016.

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 08/9/2016 được trình bày tại Bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng, tổng dung tích tăng khoảng 140,20 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 64,74% so với dung tích thiết kế), tăng 9,29 triệu m<sup>3</sup> so với thời điểm hiện tại (ngày 01/9/2016).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 08/9/2016

TT	Hồ chứa	Cao trình mực nước bình thường (m)	Dung tích hữu ích thiết kế ( $10^6 m^3$ )	Nguồn nước hiện tại -01/9/2016			Dự kiến nguồn nước đến 08/9/2016		
				Cao trình mực nước hiện tại (m)	Dung tích hữu ích ( $10^6 m^3$ )	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 01/9/2016 so với thiết kế	Cao trình mực nước (m)	Dung tích hữu ích ( $10^6 m^3$ )	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 08/9/2016 so với thiết kế
1	Hồ Đá Bạc	31,01	4,478	27,45	0,961	21,47%	27,78	▲ 1,1568	25,83%
2	Hồ Lòng Sông	76,95	33,696	74,64	28,452	84,44%	75,62	▲ 30,625	90,89%
3	Hồ Cà Giây	74,7	28,512	73,87	24,466	85,81%	74,29	▲ 26,513	92,99%
4	Hồ Sông Khán	106,95	1,753	104,08	0,632	36,07%	105,03	▲ 0,936	53,39%
5	Hồ Sông Quao	89	67,3	82,97	35,174	52,26%	83,36	▲ 36,920	54,86%
6	Hồ Suối Đá	47	7,858	44,93	2,583	32,88%	45,20	▲ 3,125	39,77%
7	Hồ Cẩm Hàng	25	1,167	23,80	0,553	47,39%	24,09	▲ 0,685	58,67%
8	Hồ Sông Móng	75,8	34,171	71,16	13,867	40,58%	71,33	▲ 14,475	42,36%
9	Đập Ba Bàu	42	5,974	40,75	2,796	46,80%	41,04	▲ 3,367	56,36%
10	Hồ Đu Đủ	61	3,367	58,53	1,173	34,83%	58,74	▲ 1,319	39,16%
11	Hồ Tân Lập	44	1	44,07	1,032	103,15%	44,07	■ 1,032	103,15%
12	Hồ Tà Mon	46,5	0,607	45,05	0,334	55,07%	45,90	▲ 0,492	80,97%
13	Hồ Núi Đất	23,5	7,9	22,81	6,490	82,15%	22,98	▲ 6,801	86,09%
14	Hồ Trà Tân	95	3,485	95,05	3,634	104,27%	95,05	■ 3,634	104,27%
15	Đập Sông Phan	70	2,85	67,84	1,971	69,16%	68,38	▲ 2,148	75,36%
16	Hồ Phan Dũng	206,4	12,441	203,52	6,793	54,60%	203,63	▲ 6,977	56,08%
	<b>Tổng</b>		<b>216,559</b>		<b>130,91</b>	<b>60,45%</b>		<b>140,20</b>	<b>64,74%</b>

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện tại

#### 4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu 2016

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Hè Thu đã tính ở trên, dự báo tuần từ ngày 02/9 - 30/9/2016 sẽ có:

Tất cả 20/20 hồ (đập) thủy lợi có khả năng đảm bảo cấp nước cho vụ Hè Thu bao gồm: Hồ Đá Bạc, đập Sông Lũy, hồ Cà Giây, Hệ thống đập Đồng Mới..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ Sông Khán, hồ Sông Móng, đập Ba Bàu, hồ Đu Đủ, đập Sông Phan, hồ Tân Lập, hồ Tà Mon, hồ Sông Dinh, đập Cô kiều, Sông La Ngà (tới đập Tà Pao), hồ Trà Tân, hồ Phan Dũng, hồ Lòng Sông, hồ Núi Đất.

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa, đập dâng vụ Hè Thu 2016 được tổng hợp trong Bảng 7.

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu tỉnh Bình Thuận năm 2016

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước tháng 9	
		Lượng nước thiếu (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	Tỷ lệ đáp ứng
1	Hồ Đá Bạc	0	100,00%
2	Hồ Phan Dũng	0	100,00%
3	Hồ Lòng Sông	0	100,00%
4	Đập Sông Lũy	0	100,00%
5	Hồ Cà Giây	0	100,00%
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn...	0	100,00%
7	Hồ Sông Quao	0	100,00%
8	Hồ Suối Đá	0	100,00%
9	Hồ Sông Khán	0	100,00%
10	Hồ Sông Móng	0	100,00%
11	Đập Ba Bàu	0	100,00%
12	Hồ Đu Đủ	0	100,00%
13	Đập Sông Phan	0	100,00%
14	Hồ Tân Lập	0	100,00%
15	Hồ Tà Mon	0	100,00%
16	Hồ Núi Đất	0	100,00%
17	Hồ Sông Dinh	0	100,00%
18	Đập Cô Kiều	0	100,00%
19	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	0	100,00%
20	Hồ Trà Tân	0	100,00%
<b>Tổng</b>		<b>0</b>	

**Kiến nghị:**

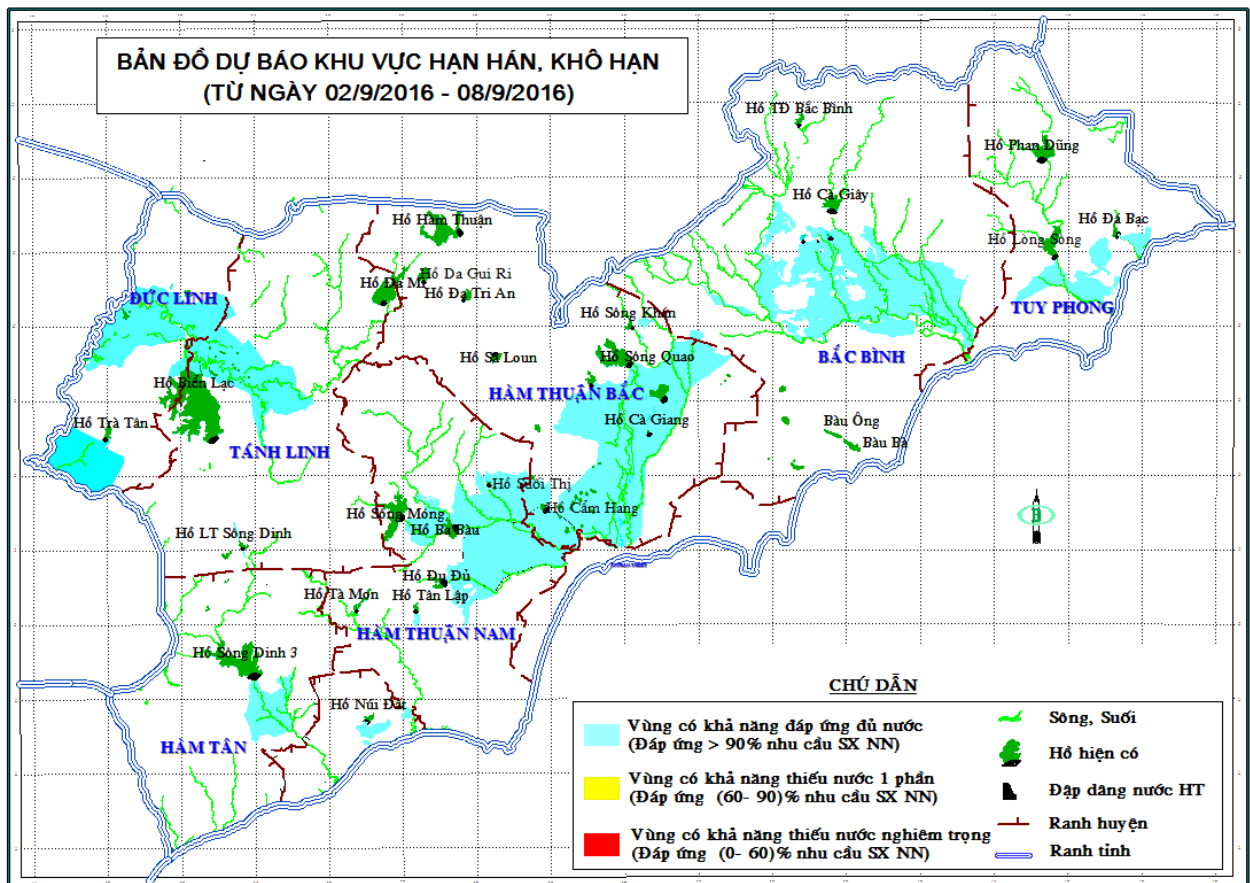
Trên cơ sở kết quả kiểm kê nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, mưa đã xuất hiện trên khắp toàn tỉnh tuy nhiên ngành nông nghiệp địa phương vẫn cần: Thường xuyên theo dõi lưu lượng nước xả của Thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi; Tiếp tục cập nhật tình hình diễn biến mưa và nguồn nước các hồ để có kế hoạch chăm sóc tốt nhất cho cây trồng vụ Hè Thu.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 08/09/2016 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh khoảng 140,20 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 64,74% so với dung tích thiết kế), do đó kiến nghị kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 08/09/2016 như sau:

- Hồ Lòng Sông có 30,62 triệu m<sup>3</sup>, hồ Đá Bạc 1,15 triệu m<sup>3</sup>, hồ Phan Dũng có 6,97 triệu m<sup>3</sup>: có thể tận dụng nguồn nước có trong hồ và lượng nước mưa để cấp đủ nước tưới cho lúa, cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ Cà Giây có 26,51 triệu m<sup>3</sup>: có thể tận dụng nguồn nước thủy điện Đại Ninh, lượng nước trữ trong hồ để cấp đủ nước cho lúa và cây trồng vụ Hè Thu;



- Hồ Sông Quao có 36,92 triệu m<sup>3</sup>: có thể tận dụng nguồn nước có trong hồ và lượng nước mưa để cấp đủ nước tưới cho lúa và cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ Sông Móng có 14,47 triệu m<sup>3</sup>, đập Ba Bàu có 3,36 triệu m<sup>3</sup>, hồ Tà Mon có 0,49 triệu m<sup>3</sup>, hồ Đu Đủ có 1,31 triệu m<sup>3</sup>, hồ Tân Lập có 1,03 triệu m<sup>3</sup>, hồ Núi Đất có 6,80 triệu m<sup>3</sup>, các hồ này có thể tận dụng nguồn nước trong hồ và lượng nước mưa để cấp đủ nước cho lúa, cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ sông Dinh 3 có 3,92 triệu m<sup>3</sup>: có thể tận dụng nước mưa và nước hồ để cấp đủ nước sinh hoạt cho Thị xã La Gi, cấp nước tưới cho lúa và cây trồng vụ Hè Thu;
- Nguồn nước tại Đập Tà Pao (sau nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi) cấp đủ nước sản xuất vụ Hè Thu theo kế hoạch 2016.



Hình 5: Bản đồ dự báo nguồn nước và khả năng đáp ứng nguồn nước của các vùng/khu vực từ ngày 02/9/2016 đến ngày 08/9/2016

*Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 01/9/2016*

*(Lưu ý: Để phục vụ kịp thời cho sản xuất ứng phó chủ động với tình hình hạn hán, thiếu nước, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến, đề nghị phản hồi lại Tổng cục Thủy lợi để cập nhật trong các bản tin tiếp theo).*

Bản tin này cũng được đăng trên địa chỉ Website : <http://www.siwrr.org.vn> . Các thông tin về tình hình hạn hán, sản xuất và những yêu cầu cấp thiết khác xin gửi về Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam qua địa chỉ email: [vkhtlmn@gmail.com](mailto:vkhtlmn@gmail.com) và [tncnbvmt@gmail.com](mailto:tncnbvmt@gmail.com) ./.